

Ngày	35,800 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.7%	7.2%	-3.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	28,400 - 40,450
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,010
Số lượng CPLH (CP)	391,334,260
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,457,470
Sở hữu nước ngoài	10.1%
Beta	1.33
EPS	1,372
P/E	26.1

DT thuần

Q1/24

3,307

tỷ VNĐ

QoQ: ▼75.0| -2.2%

YoY: ▲ 42.0| 1.3%

LN trước thuế

Q1/24

324

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 210| 184%

YoY: ▲ 23.0| 7.6%

LN sau thuế

Q1/24

268

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 161| 150%

YoY: ▲ 6.00| 2.2%

ROA

2023

3.4%

+/- YoY: ▼ 31.9%

DT thuần

2023

13,569

tỷ VNĐ

YoY: ▼5,058| -27.2%

LN trước thuế

2023

691

tỷ VNĐ

YoY: ▼5,915| -89.5%

LN sau thuế

2023

530

tỷ VNĐ

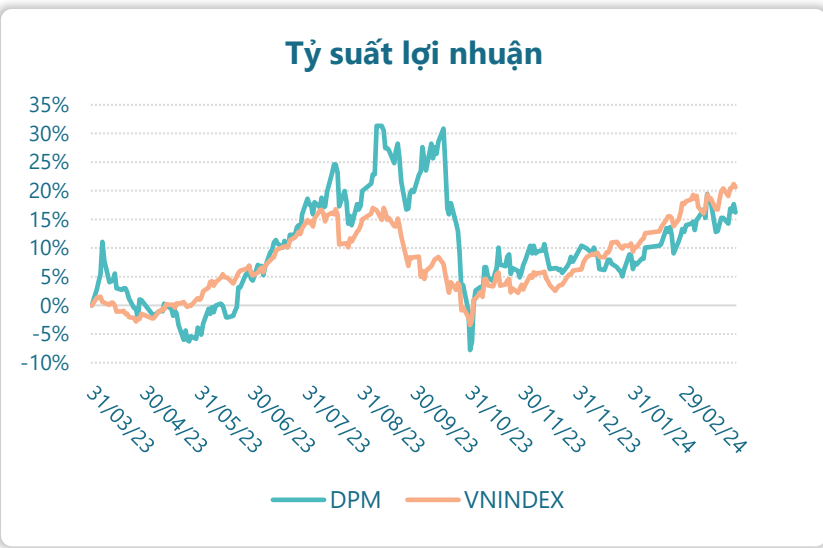
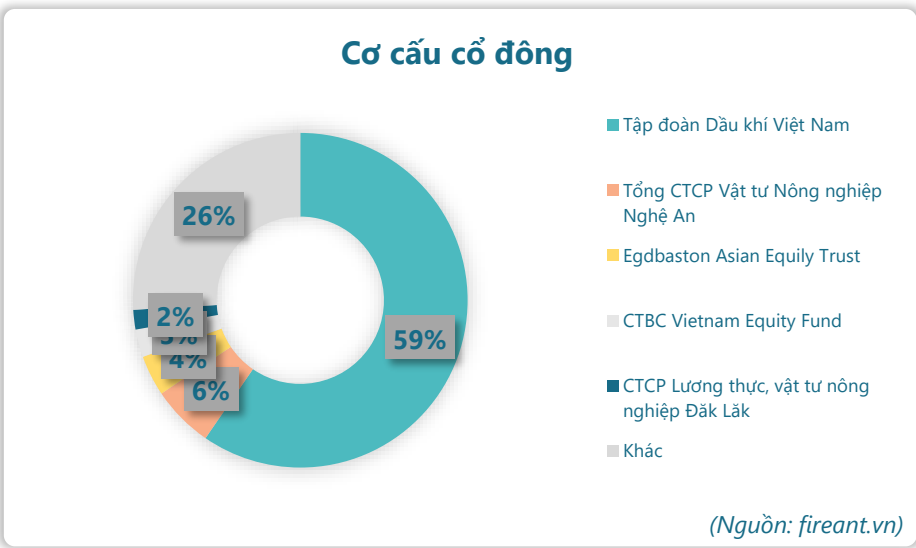
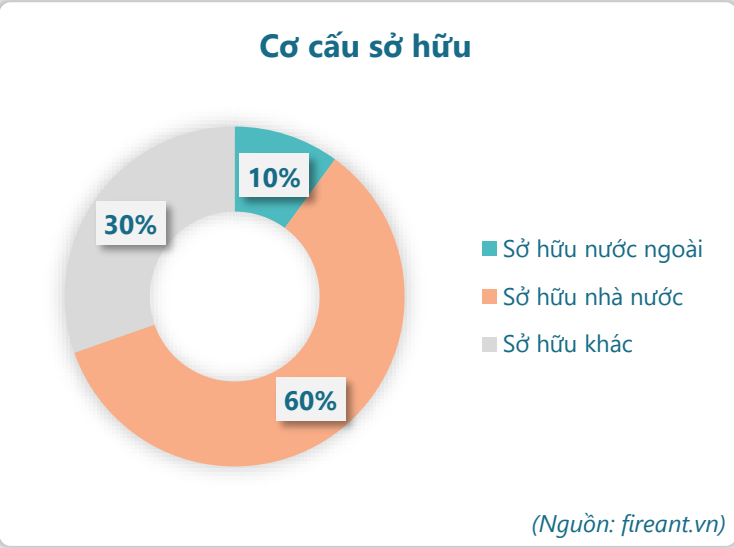
YoY: ▼5,055| -90.5%

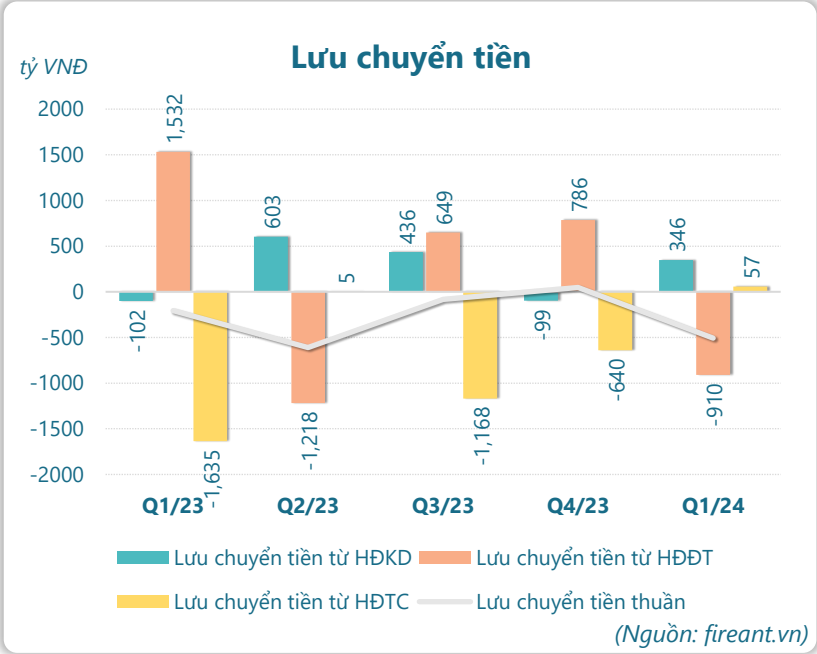
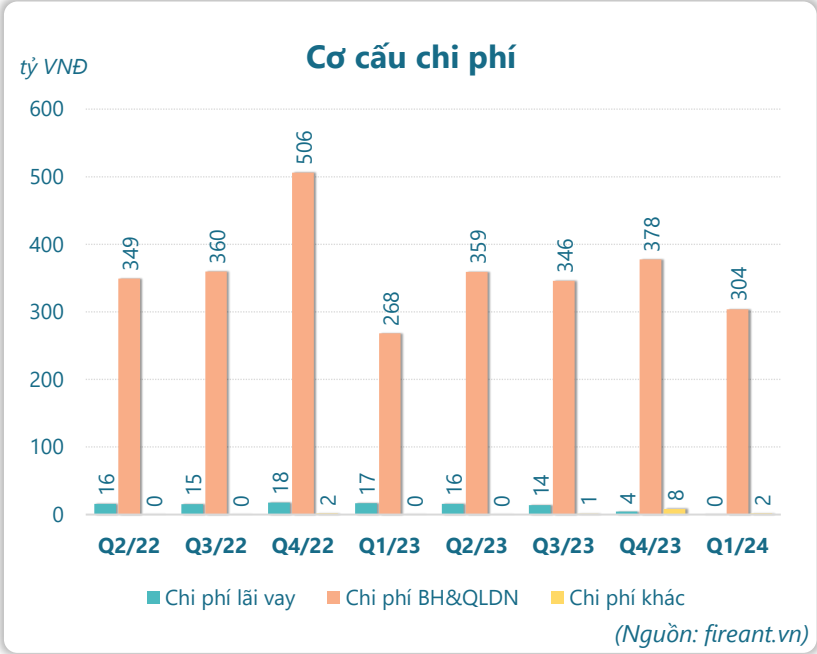
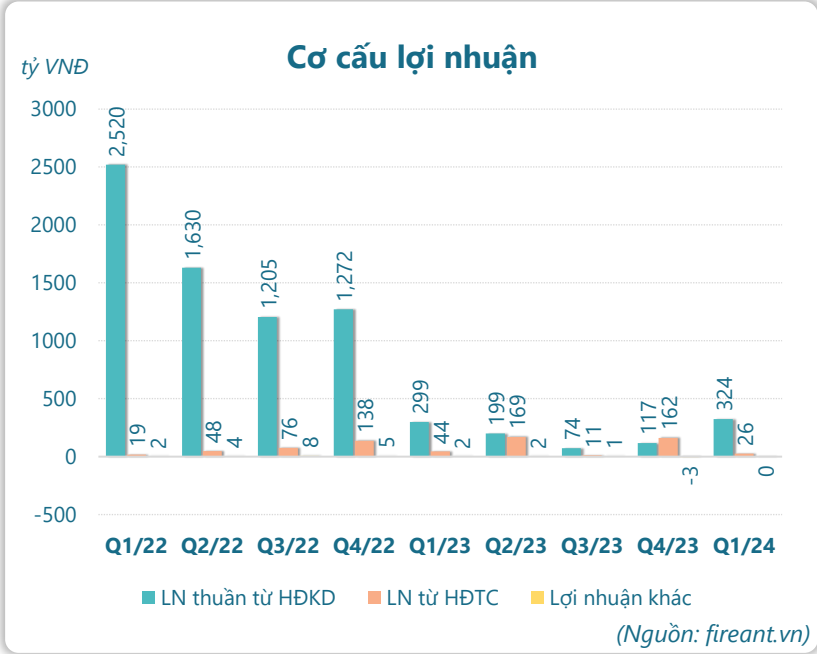
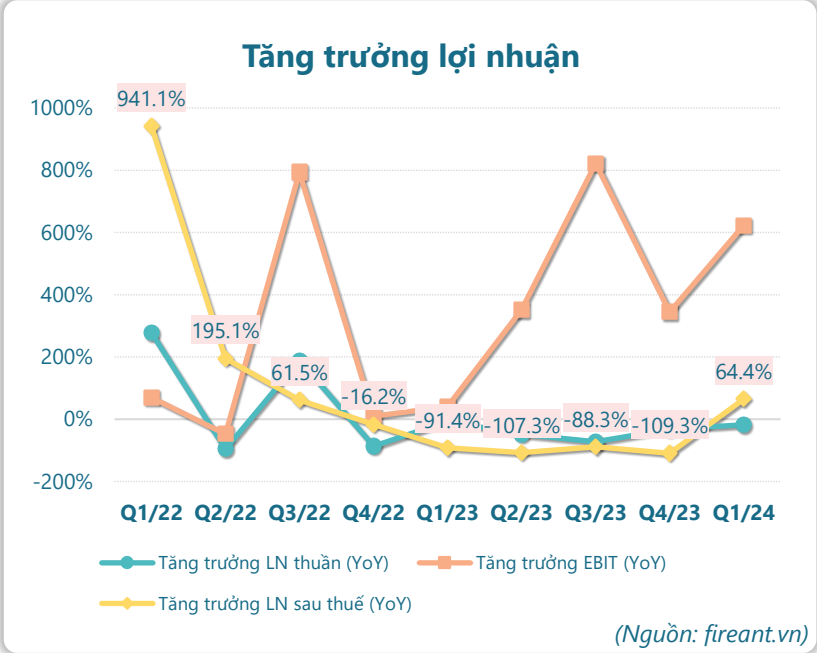
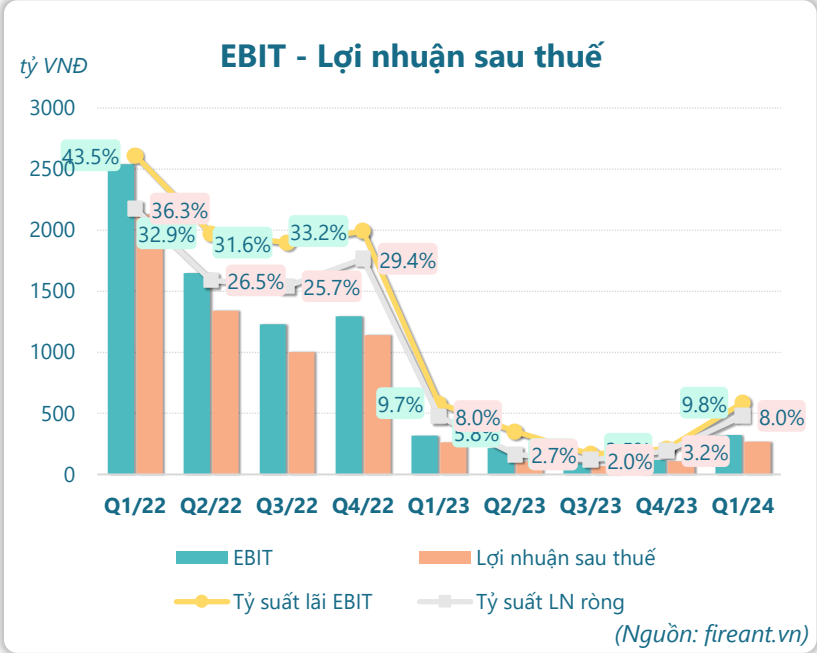
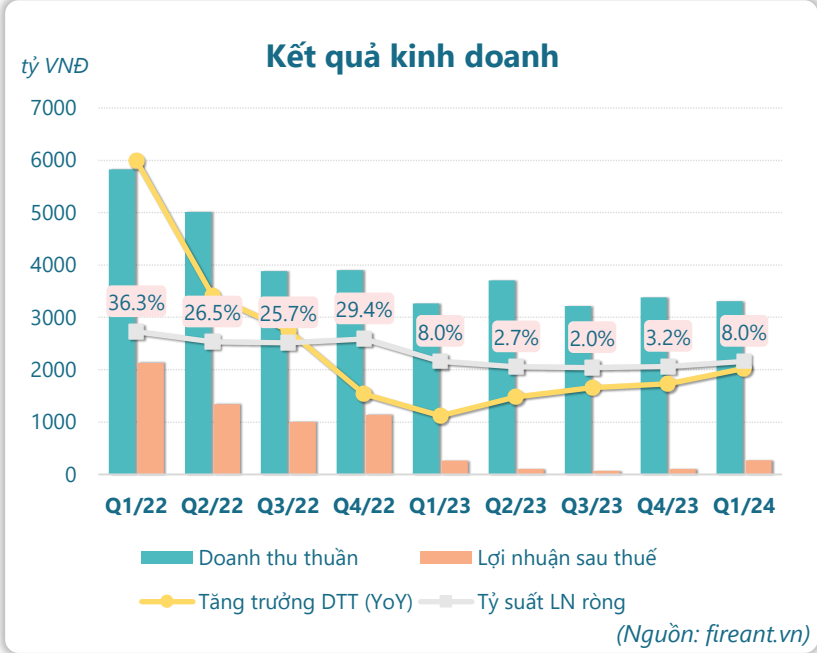
ROE

2023

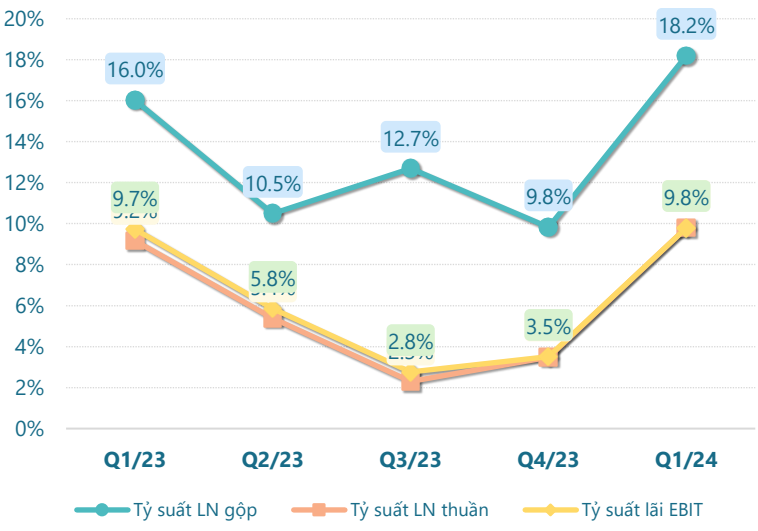
4.1%

+/- YoY: ▼ 40.9%



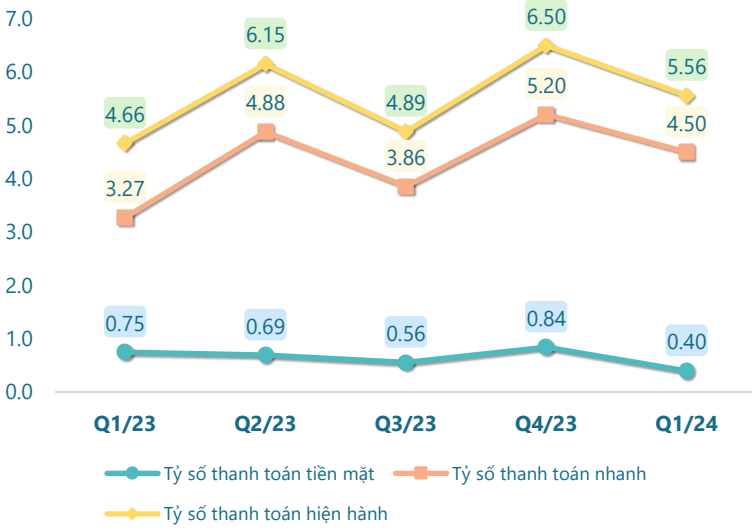


Tỷ suất lợi nhuận



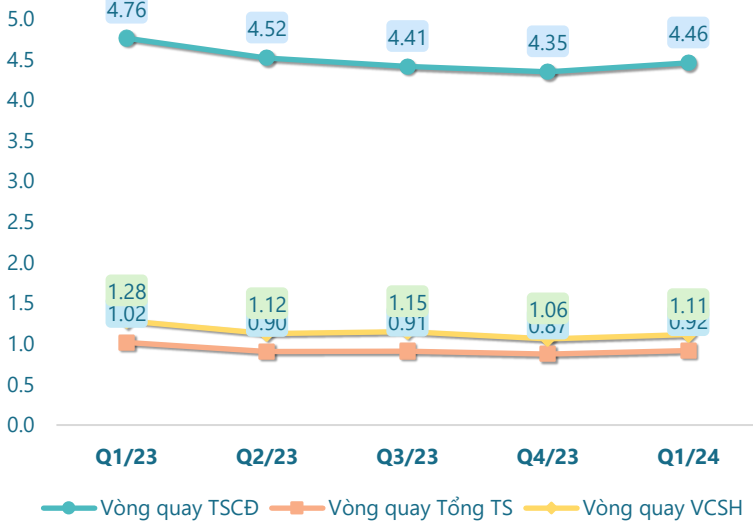
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



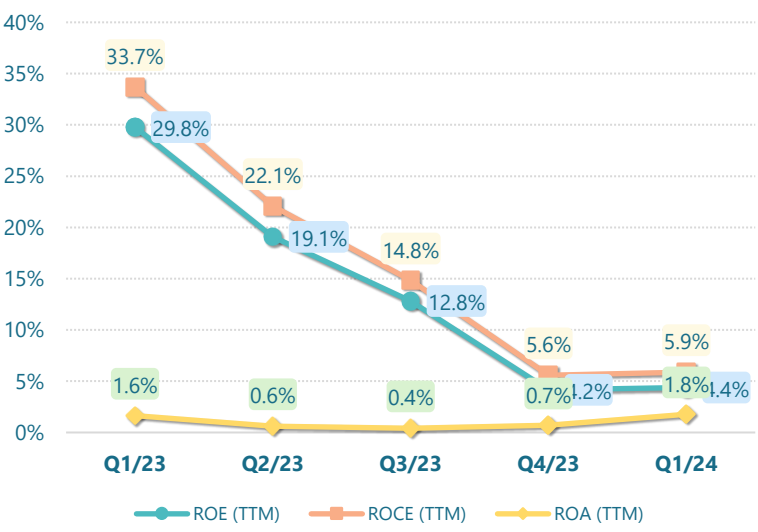
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



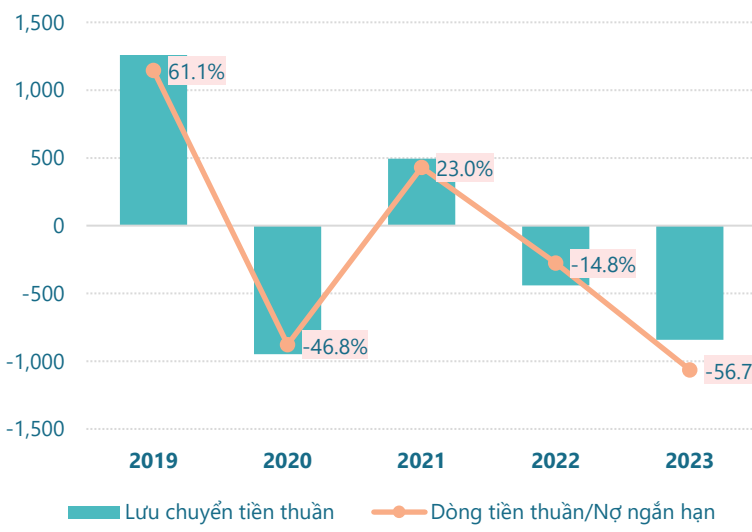
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



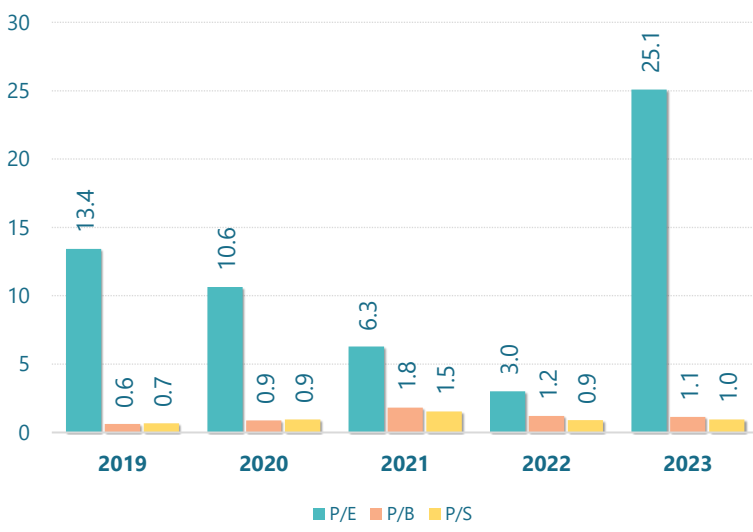
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)